

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST
Ngày 13/ 6/ 2022
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Bạc Thị Liên
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Khải
2. Bà Bạc Thị Kiên
- Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Châm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

Ngày 13/6/2022. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 127/2022/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXX-ST ngày 28/5/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị M- Sinh năm 1984 (Có mặt).
Trú tại: Bản P, xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.
2. Bị đơn: Anh Lò Văn T - Sinh năm 1981 (Vắng mặt có lý do).
Nơi ĐKKHKT: Bản P, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Hiện anh Lò Văn T đang chấp hành án tại: Đội 25, phân trại 1, Trại giam Thanh X, xã Mỹ H, huyện Thanh O, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 28/02/2022 và bổ sung đơn đề ngày 23/03/2022 và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, chị Lò Thị Mai (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Lò Văn T tổ chức đám cưới theo phong tục và có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Noong H, huyện Đ vào ngày 28/01/2005. Chúng tôi kết hôn là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Kết hôn và chung sống được một thời gian đến tháng 10 năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống anh T không quan tâm chăm sóc vợ con, không dành thời gian cho gia đình do tôi phát hiện ra anh T sử dụng chất ma túy. Gia đình cho anh T đi cai nghiện 12 tháng tại trung tâm 06 của Tỉnh Điện Biên khi về nhà anh T vẫn tái nghiện. Đến năm 2012 thì anh T bị bắt về tội mua bán trái phép chất ma túy và bị đi cải tạo 36 tháng tù giam tại trại Giam N, tỉnh Điện Biên. Đến tháng 3 năm 2017 anh T lại bị Tòa án huyện Đ xử 08 năm 06 tháng về tội ma túy. Hiện

anh T đi cải tạo tại trại giam T, Hà Nội để lại một mình tôi nuôi 2 con rất khó khăn cuộc sống khủng hoảng trầm trọng, không có lối thoát. Vì tình cảm vợ chồng không còn nên Tôi làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Điện Biên giải quyết cho tôi được ly hôn với anh T để tôi sớm ổn định cuộc sống.

2. Về con chung: Chị M và anh T có 2 con chung là Lò Văn S sinh ngày 26/9/2005 và Lò Thùy T, sinh ngày 22/10/2009. Quan điểm chị M xin được nuôi và chăm sóc cả 2 cháu vì anh T phải đi chấp hành án tại trại giam. Khi nào anh T ra trại đón các cháu thì tôi đồng ý. Về phần cấp dưỡng nuôi con tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị M khai không có.

Ngày 29/3/2022, sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Đ đã thông báo nội dung đơn xin ly hôn với các yêu cầu cụ thể của chị Mai cho anh Thủy biết và nhờ trại giam Thanh X tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Lò Văn T.

Tại biên bản tổng đạt của Trại giam Thanh X ngày 11/4/2022 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 10/5/2022 gửi cho Tòa anh Lò Văn T (bị đơn) trình bày như sau: Tôi không đồng ý ly hôn nên không viết bản tự khai đề nghị quý Tòa cho vợ chồng tôi thêm thời gian để giải quyết việc gia đình. Tôi là bị đơn trong vụ án ly hôn hiện nay tôi đang phải chấp hành án nên không thể đến Tòa án huyện Đ tham gia phiên Tòa được nên tôi viết đơn xin xét xử vắng mặt, tôi vẫn giữ nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, xin được trực tiếp nuôi con; về tài sản không có như nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày. Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tổ tụng. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại bản P, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên do vậy vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt cho nên căn cứ Khoản 1 Điều 227/BLTTDS năm 2015. HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

[2] .Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị M và anh Lò Văn T có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh T sử dụng chất ma túy và bị nghiện ma túy đã được gia đình cho đi cai nghiện nhưng không cai được hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2017. Đến năm 2017 anh T bị xử án về tội ma túy hiện anh T phải đi cải tạo tại trại giam T để một mình chị M phải nuôi cả 2 con nhỏ. Do anh T phải đi chấp hành án một thời gian, cuộc sống không có lối thoát, khủng hoảng trầm trọng. Vì tình cảm không còn cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên chị M làm đơn xin ly hôn.

Tại biên bản tổng đạt ngày 11/4/2022 anh T có ý kiến không đồng ý ly hôn đề nghị Tòa án cho vợ chồng thời gian giải quyết việc gia đình. Tại đơn xin xét xử vắng mặt gửi cho Tòa anh T vẫn giữ nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên nhân chính do anh T bị nghiện chất ma túy hiện tại anh T phải đi chấp hành án không có thời gian quan tâm chăm sóc giáo dục con chung và thời gian cho gia đình nên mâu thuẫn không thể hòa giải được. Để đảm bảo quyền lợi của chị M và để giải phóng cho chị thoát khỏi tình trạng hiện tại khi mà cuộc hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc cho chị, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vì mục đích của hôn nhân không đạt được. Hai anh chị không có thời gian chung sống chăm sóc giúp đỡ nhau, theo Điều 19 luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng hai anh chị không muốn thực hiện quyền và nghĩa vụ qui định tại điều luật này do anh T phải đi chấp hành án. Như vậy không thể đảm bảo hạnh phúc gia đình cho chị M cùng các con. Áp dụng Điều 51, và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị M xử cho ly hôn giữa chị Lò Thị M và anh Lò Văn T.

[3] Về con chung: Chị M và anh T có 2 con chung là Lò Văn S sinh ngày 26/9/2005 và Lò Thùy T, sinh ngày 22/10/2009. Quan điểm chị M xin được nuôi và chăm sóc cả 2 cháu vì anh T phải đi chấp hành án tại trại giam. Khi nào anh T ra trại đón cháu nào thì chị M đồng ý.

Nhưng hiện tại anh T đang phải chấp hành án nên không có điều kiện chăm sóc các con và xét theo nguyện vọng của cháu S, cháu T được ở với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi cho các cháu và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M căn cứ Khoản 2 Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Giao cả 2 cháu cho chị M nuôi dưỡng, khi anh T cải tạo về địa phương đón các cháu thì chị M chấp nhận. Hai bên có quyền đi lại thăm nom giáo dục con chung, không ai đi- ợc cản trở.

[4] Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng, nương: Không có.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện tại anh T không thể có mặt tại địa phương để giải quyết phân tài sản của hai vợ chồng. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M không xem xét giải quyết về phân tài sản của anh chị. Sau này anh T chấp hành án xong về địa phương nếu có yêu cầu giải quyết về phân tài sản sau khi ly hôn. Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Lò Thị M phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm,

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 19, 69, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lò Thị M và anh Lò Văn T.

2. Về con chung: Giao cả 2 cháu Lò Văn S, sinh ngày 26/9/2005 và Lò Thùy T, sinh ngày 22/10/2009 cho chị Lò Thị M được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi d-ỡng.

Việc cấp d-ỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ng-ời không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai đ-ợc cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng, nương: Không có.

4. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Lò Thị M phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, chị M đã nộp tạm ứng số tiền 300.000đ theo biên lai số: 0004937 ngày 23/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. (Chị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ ;
- VKSND huyện ĐB;
- Chi cục THA huyện ĐB;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bạc Thị Liên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Khải Bạc Thị Liên

Bạc Thị Liên

Lò Văn Thương Nguyễn Quang Khải

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Tố Loan

